

**DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC KHÓA 25 ĐỢT 1 (2018-2020) PHẢI HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC
TRONG 12 THÁNG SAU KHI NHẬP HỌC VÌ TỐT NGHIỆP NGÀNH GẦN VỚI NGÀNH DỰ TUYỂN THẠC SĨ**

TT	MSHV	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành thạc sĩ	Ngành tốt nghiệp ĐH	Học phần cần phải bổ sung kiến thức
1.	M1018003	Lý Hùng		24/01/1984	Tiền Giang	Bảo vệ thực vật	Nông học	NN138 Hóa bảo vệ thực vật A NS304 IPM trong bảo vệ thực vật 1
2.	M1018006	Nguyễn Lê Thanh Mai	X	15/05/1996	Vĩnh Long	Bảo vệ thực vật	Phát triển nông thôn	NN138 Hóa bảo vệ thực vật A NS304 IPM trong bảo vệ thực vật 1
3.	M0518003	Đặng Minh Khang		01/01/1995	Cần Thơ	Công nghệ sinh học	Sư phạm Sinh - KTN	CS102 Sinh học phân tử
4.	M2218002	Huỳnh Thị Kim Duyên	X	24/12/1996	Đồng Tháp	Công nghệ thực phẩm	Công nghệ chế biến thủy sản	NN211 Quản lý chất lượng và luật thực phẩm
5.	M2218005	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	X	30/12/1989	Sóc Trăng	Công nghệ thực phẩm	Chế biến thủy sản	NN211 Quản lý chất lượng và luật thực phẩm
6.	M2218006	Huỳnh Thị Thúy Quyên	X	06/06/1989	Cần Thơ	Công nghệ thực phẩm	Chế biến thủy sản	NN211 Quản lý chất lượng và luật thực phẩm
7.	M2218009	Nguyễn Văn Thơm		26/05/1996	Cần Thơ	Công nghệ thực phẩm	Công nghệ chế biến thủy sản	NN211 Quản lý chất lượng và luật thực phẩm
8.	M2518005	Trương Định Ngoan		06/10/1988	Cần Thơ	Hệ thống thông tin	Tin học	CT112 Mạng máy tính
9.	M0918003	Trần Văn Luận		10/07/1990	Bến Tre	Hóa hữu cơ	SP Hóa	TN111 Hóa hữu cơ 1
10.	M0918006	Phạm Tấn Thành		10/04/1986	Bến Tre	Hóa hữu cơ	SP Hóa	TN111 Hóa hữu cơ 1
11.	M0918005	Nguyễn Phú Thạch		19/12/1986	Hậu Giang	Hóa hữu cơ	SP Hóa	TN249 Hóa hữu cơ 2
12.	M2018003	Nguyễn Thị Hòa	X	09/09/1985	Cần Thơ	Hóa lý thuyết và hóa lý	SP Hóa học	TN117 Hóa phân tích 2
13.	M2018004	Trịnh Thanh Ngoan		09/08/1994	Sóc Trăng	Hóa lý thuyết và hóa lý	SP Hóa	TN115 Hóa phân tích 1 TN117 Hóa phân tích 2
14.	M2018005	Huỳnh Văn Ngọc		20/12/1995	Vĩnh Long	Hóa lý thuyết và hóa lý	SP Hóa	TN115 Hóa phân tích 1 TN117 Hóa phân tích 2

TT	MSHV	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành thạc sĩ	Ngành tốt nghiệp ĐH	Học phần cần phải bổ sung kiến thức
15.	M2018006	Hà Thanh Mỹ Phương	X	22/02/1981	Cần Thơ	Hóa lý thuyết và hóa lý	Kỹ thuật hóa học	TN115 Hóa phân tích 1 TN117 Hóa phân tích 2
16.	M2018007	Huỳnh Long Sơn		11/04/1988	Hậu Giang	Hóa lý thuyết và hóa lý	Sư phạm hóa học	TN115 Hóa phân tích 1
17.	M2018009	Nguyễn Thị Cẩm Thu	X	20/05/1995	Tiền Giang	Hóa lý thuyết và hóa lý	Sư phạm hóa học	TN115 Hóa phân tích 1 TN117 Hóa phân tích 2
18.	M2018011	Dương Thị Bích Thùy	X	20/03/1994	Kiên Giang	Hóa lý thuyết và hóa lý	SP Hóa	TN115 Hóa phân tích 1 TN117 Hóa phân tích 2
19.	M2018010	Nguyễn Anh Thư	X	20/06/1995	Trà Vinh	Hóa lý thuyết và hóa lý	SP. Hóa	TN115 Hóa phân tích 1 TN117 Hóa phân tích 2
20.	M2018013	Nguyễn Minh Toàn		21/01/1995	Bến Tre	Hóa lý thuyết và hóa lý	SP Hóa	TN115 Hóa phân tích 1 TN117 Hóa phân tích 2
21.	M0118001	Võ Chí Hiền		25/07/1990	Cửu Long	Khoa học cây trồng	Công nghệ sinh học	NN371 Cây rau NN361 Cây ăn trái
22.	M0118005	Thạch Đa Rô		10/04/1995	Trà Vinh	Khoa học cây trồng	Nông học	NN369 Cây lúa
23.	M0118006	Nguyễn Thị Lan Anh Thư	X	03/12/1994	Vĩnh Long	Khoa học cây trồng	Nông học	NN371 Cây rau NN361 Cây ăn trái
24.	M4018002	Nguyễn Thiện Cương		15/10/1993	Cà Mau	Kinh tế học	Tài chính ngân hàng	KT115 Kinh tế phát triển KT114 Kinh tế công cộng KT284 Kinh tế học quản lý
25.	M4018003	Nguyễn Thị Thanh Diệp	X	26/09/1991	Trà Vinh	Kinh tế học	Kế toán	KT115 Kinh tế phát triển KT114 Kinh tế công cộng KT284 Kinh tế học quản lý
26.	M4018004	Phạm Thị Mai Hiền	X	12/02/1980	Cần Thơ	Kinh tế học	Tài chính tín dụng	KT115 Kinh tế phát triển KT114 Kinh tế công cộng KT284 Kinh tế học quản lý
27.	M4018005	Đặng Duy Khoa		06/07/1982	Cần Thơ	Kinh tế học	Tài chính tín dụng	KT115 Kinh tế phát triển KT114 Kinh tế công cộng KT284 Kinh tế học quản lý
28.	M4018007	Trần Huỳnh Diễm Phúc	X	18/11/1995	Sóc Trăng	Kinh tế học	Kinh tế TNTN	KT115 Kinh tế phát triển KT114 Kinh tế công cộng KT284 Kinh tế học quản lý

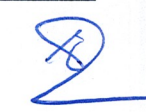
TT	MSHV	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành thạc sĩ	Ngành tốt nghiệp ĐH	Học phần cần phải bổ sung kiến thức
29.	M4018008	Trần Ngọc Quỳnh	X	05/09/1984	Cần Thơ	Kinh tế học	Tài chính tín dụng	KT115 Kinh tế phát triển KT114 Kinh tế công cộng KT284 Kinh tế học quản lý
30.	M4018009	Thạch Suy Tha		12/10/1978	Sóc Trăng	Kinh tế học	Kinh tế ngoại thương	KT115 Kinh tế phát triển KT114 Kinh tế công cộng KT284 Kinh tế học quản lý
31.	M4018010	Lê Phước Thiện		10/09/1987	An Giang	Kinh tế học	Kế toán	KT115 Kinh tế phát triển KT114 Kinh tế công cộng KT284 Kinh tế học quản lý
32.	M4018011	Phan Thị Mỹ Tú	X	05/10/1985	Cần Thơ	Kinh tế học	Tài chính ngân hàng	KT115 Kinh tế phát triển KT114 Kinh tế công cộng KT284 Kinh tế học quản lý
33.	M1318001	Huỳnh Thị Hoài Mỹ	X	20/10/1992	Tiền Giang	Kinh tế nông nghiệp	Tài chính ngân hàng	KT318 Kinh tế nông nghiệp KT304 Kinh tế sản xuất KT411 Phân tích chính sách nông nghiệp
34.	M4218002	Phạm Hùng Cường		07/07/1982	Cần Thơ	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	Xây dựng công trình thủy	KC251 Thi công công trình thủy lợi
35.	M4218006	Trần Văn Dũng		02/03/1986	Đồng Tháp	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	KC251 Thi công công trình thủy lợi
36.	M4218005	Nguyễn Huỳnh Đức		01/10/1995	Cần Thơ	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	Kỹ thuật công trình xây dựng	KC251 Thi công công trình thủy lợi CN315 Thủy công
37.	M4218015	Nguyễn Thanh Tâm		10/01/1990	Hậu Giang	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	Xây dựng cầu đường	CN124 Thủy lực công trình KC251 Thi công công trình thủy lợi CN315 Thủy công
38.	M4218017	Nguyễn Thanh Tân		12/07/1984	Đồng Tháp	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	CN124 Thủy lực công trình KC251 Thi công công trình thủy lợi
39.	M4218019	Đinh Thuận Thành		02/09/1986	Tiền Giang	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	Kỹ thuật xây dựng	CN315 Thủy công KC251 Thi công công trình thủy lợi
40.	M4218020	Nguyễn Văn Thiện		11/09/1985	Cần Thơ	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	CN315 Thủy công KC251 Thi công công trình thủy lợi

TT	MSHV	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành thạc sĩ	Ngành tốt nghiệp ĐH	Học phần cần phải bổ sung kiến thức
41.	M4218022	Nguyễn Xuân Trọng		18/07/1991	Đồng Tháp	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	Kỹ thuật công trình xây dựng	CN315 Thủy công KC251 Thi công công trình thủy lợi
42.	M4218023	Đặng Quốc Trung		12/10/1985	Hậu Giang	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	KC251 Thi công công trình thủy lợi
43.	M4218024	Nguyễn Chí Trung		18/10/1991	Cần Thơ	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	CN124 Thủy lực công trình KC251 Thi công công trình thủy lợi CN315 Thủy công
44.	M4218026	Phạm Phú Vĩnh		02/01/1985	Đồng Tháp	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	Công nghệ KTCT XD	CN124 Thủy lực công trình KC251 Thi công công trình thủy lợi CN315 Thủy công
45.	M1518005	Nguyễn Thị Thủy Tiên	X	30/11/1991	Cần Thơ	Lý luận & PPDH BM Văn và tiếng Việt	Ngữ văn	SP010 Tâm lý học sư phạm SP079 Giáo dục học SG211 thực tập Sư phạm Ngữ văn SG011 Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo SP242 Lý luận dạy học đại học
46.	M1618012	Lê Minh Hiếu		09/06/1991	Kiên Giang	Lý luận & PPDH bộ môn tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	SG195 Nguyên lý dạy học tiếng Anh SG196 Phương pháp dạy học tiếng Anh SG011 Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo
47.	M1618035	Nguyễn Tăng Thanh Thiên	X	28/04/1995	Cần Thơ	Lý luận & PPDH bộ môn tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	SG195 Nguyên lý dạy học tiếng Anh SG196 Phương pháp dạy học tiếng Anh SG011 Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo
48.	M1618037	Nguyễn Thị Diễm Thúy	X	14/03/1980	Hậu Giang	Lý luận & PPDH bộ môn tiếng Anh	Ngữ văn Anh	SG195 Nguyên lý dạy học tiếng Anh SG196 Phương pháp dạy học tiếng Anh SG011 Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo
49.	M1618046	Phạm Hoàng Yến	X	26/10/1994	Cần Thơ	Lý luận & PPDH bộ môn tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	SG195 Nguyên lý dạy học tiếng Anh SG196 Phương pháp dạy học tiếng Anh SG011 Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo

TT	MSHV	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành thạc sĩ	Ngành tốt nghiệp ĐH	Học phần cần phải bổ sung kiến thức
50.	M0618012	Ngô Chí Nguyên		07/10/1992	Cà Mau	Nuôi trồng thủy sản	Bệnh học thủy sản	TS111 Phương pháp nghiên cứu sinh học cá
51.	M2418002	Trần Minh Hải		02/10/1978	Hậu Giang	Phát triển nông thôn	Nông học	PD327 Kinh tế phát triển nông thôn PD121 Thống kê ứng dụng trong PTNT PD321 Phân tích chuỗi cung ứng và chuỗi giá trị sản phẩm
52.	M2418003	Võ Thị Đình Lăng	X	29/01/1983	Sóc Trăng	Phát triển nông thôn	Chăn nuôi - Thú y	PD327 Kinh tế phát triển nông thôn PD121 Thống kê ứng dụng trong PTNT PD321 Phân tích chuỗi cung ứng và chuỗi giá trị sản phẩm
53.	M2418004	Nguyễn Hoàng Phúc		22/09/1995	Bến Tre	Phát triển nông thôn	Khoa học cây trồng	PD327 Kinh tế phát triển nông thôn PD121 Thống kê ứng dụng trong PTNT PD321 Phân tích chuỗi cung ứng và chuỗi giá trị sản phẩm
54.	M2418008	Huỳnh Mai Cẩm Tú	X	09/10/1982	Cần Thơ	Phát triển nông thôn	Chăn nuôi - Thú y	PD327 Kinh tế phát triển nông thôn PD121 Thống kê ứng dụng trong PTNT PD321 Phân tích chuỗi cung ứng và chuỗi giá trị sản phẩm
55.	M4518001	Nguyễn Văn An		10/08/1988	Cà Mau	Quản lý kinh tế	Kỹ thuật điện tử viễn thông	KT284 Kinh tế học quản lý KT106 Nguyên lý kế toán KT103 Quản trị học KT303 Kinh tế quốc tế KT111 Tài chính tiền tệ
56.	M4518002	Võ Thị Mỹ Ang	X	02/09/1984	Hậu Giang	Quản lý kinh tế	Kế toán	KT284 Kinh tế học quản lý KT106 Nguyên lý kế toán KT103 Quản trị học KT303 Kinh tế quốc tế KT111 Tài chính tiền tệ
57.	M4518003	Phạm Trần Điền		19/03/1993	Cần Thơ	Quản lý kinh tế	Quản trị DVDL&LH	KT284 Kinh tế học quản lý KT106 Nguyên lý kế toán KT103 Quản trị học KT303 Kinh tế quốc tế KT111 Tài chính tiền tệ

TT	MSHV	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành thạc sĩ	Ngành tốt nghiệp ĐH	Học phần cần phải bổ sung kiến thức
58.	M4518004	Lê Thị út Em	X	02/10/1991	An Giang	Quản lý kinh tế	Giáo dục chính trị	KT284 Kinh tế học quản lý KT106 Nguyên lý kế toán KT103 Quản trị học KT303 Kinh tế quốc tế KT111 Tài chính tiền tệ
59.	M4518005	Lâm Hồ Ngọc Hân		01/01/1991	Cà Mau	Quản lý kinh tế	Cơ điện tử	KT284 Kinh tế học quản lý KT106 Nguyên lý kế toán KT103 Quản trị học KT303 Kinh tế quốc tế KT111 Tài chính tiền tệ
60.	M4518006	Hồ Hoàng Huy		12/01/1995	Cần Thơ	Quản lý kinh tế	Marketing	KT284 Kinh tế học quản lý KT106 Nguyên lý kế toán KT103 Quản trị học KT303 Kinh tế quốc tế KT111 Tài chính tiền tệ
61.	M4518007	Nguyễn Thanh Phương Nga	X	24/03/1987	Cần Thơ	Quản lý kinh tế	Xây dựng công trình thủy	KT284 Kinh tế học quản lý KT106 Nguyên lý kế toán KT103 Quản trị học KT303 Kinh tế quốc tế KT111 Tài chính tiền tệ
62.	M4518008	Hứa Thanh Nghị		20/12/1977	Cà Mau	Quản lý kinh tế	Công nghệ thông tin	KT284 Kinh tế học quản lý KT106 Nguyên lý kế toán KT103 Quản trị học KT303 Kinh tế quốc tế KT111 Tài chính tiền tệ
63.	M4518009	Trần Phong Phú		20/04/1979	Cà Mau	Quản lý kinh tế	Cơ khí động lực	KT284 Kinh tế học quản lý KT106 Nguyên lý kế toán KT103 Quản trị học KT303 Kinh tế quốc tế KT111 Tài chính tiền tệ

TT	MSHV	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành thạc sĩ	Ngành tốt nghiệp ĐH	Học phần cần phải bổ sung kiến thức
64.	M4518010	Ngô Xuân Phúc		24/12/1975	Sóc Trăng	Quản lý kinh tế	Kinh tế Bưu chính viễn thông	KT284 Kinh tế học quản lý KT106 Nguyên lý kế toán KT103 Quản trị học KT303 Kinh tế quốc tế KT111 Tài chính tiền tệ
65.	M4518011	Lê Thị Giang Quỳnh	X	26/06/1994	Cần Thơ	Quản lý kinh tế	Kinh tế nông nghiệp	KT284 Kinh tế học quản lý KT106 Nguyên lý kế toán KT103 Quản trị học KT303 Kinh tế quốc tế KT111 Tài chính tiền tệ
66.	M4518012	Võ Trọng Thọ		10/04/1978	Bạc Liêu	Quản lý kinh tế	Kỹ thuật viễn thông	KT284 Kinh tế học quản lý KT106 Nguyên lý kế toán KT103 Quản trị học KT303 Kinh tế quốc tế KT111 Tài chính tiền tệ
67.	M4518013	Vũ Văn Thùy		25/04/1982	Hà Nội	Quản lý kinh tế	Quản lý bảo vệ tài nguyên rừng	KT284 Kinh tế học quản lý KT106 Nguyên lý kế toán KT103 Quản trị học KT303 Kinh tế quốc tế KT111 Tài chính tiền tệ
68.	M4518014	Hồ Phạm Thảo Trang	X	28/04/1994	An Giang	Quản lý kinh tế	Quản trị kinh doanh	KT284 Kinh tế học quản lý KT106 Nguyên lý kế toán KT103 Quản trị học KT303 Kinh tế quốc tế KT111 Tài chính tiền tệ
69.	M4518015	Lê Anh Minh Trang	X	29/07/1985	Cần Thơ	Quản lý kinh tế	Công trình nông thôn	KT284 Kinh tế học quản lý KT106 Nguyên lý kế toán KT103 Quản trị học KT303 Kinh tế quốc tế KT111 Tài chính tiền tệ



TT	MSHV	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành thạc sĩ	Ngành tốt nghiệp ĐH	Học phần cần phải bổ sung kiến thức
70.	M4518016	Trần Thiên Trúc	X	28/05/1992	Cần Thơ	Quản lý kinh tế	Ngoại thương	KT284 Kinh tế học quản lý KT106 Nguyên lý kế toán KT103 Quản trị học KT303 Kinh tế quốc tế KT111 Tài chính tiền tệ
71.	M4518018	Trần Thị Ngọc Tuyền	X	21/10/1994	An Giang	Quản lý kinh tế	Kinh tế nông nghiệp	KT284 Kinh tế học quản lý KT106 Nguyên lý kế toán KT103 Quản trị học KT303 Kinh tế quốc tế KT111 Tài chính tiền tệ
72.	M4518017	Lương Thị Hoa Tươi	X	05/09/1990	Hậu Giang	Quản lý kinh tế	Tài chính ngân hàng	KT284 Kinh tế học quản lý KT106 Nguyên lý kế toán KT103 Quản trị học KT303 Kinh tế quốc tế KT111 Tài chính tiền tệ
73.	M2918007	Trần Trương Phương Thảo	X	17/10/1992	Cần Thơ	Quản lý tài nguyên và môi trường	Khoa học môi trường	CN122 Bản đồ học và GIS MT116 Thống kê phép thí nghiệm môi trường MT243 Quản lý chất lượng môi trường
74.	M1418001	Trần Thị Tú Anh	X	08/09/1994	Đồng Tháp	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	KT204 Quản trị nguồn nhân lực KT286 Quản trị rủi ro trong kinh doanh KT254 Khởi sự doanh nghiệp
75.	M1418002	Trần Thị Thảo Bé	X	03/02/1988	Trà Vinh	Quản trị kinh doanh	Kinh tế học	KT204 Quản trị nguồn nhân lực KT286 Quản trị rủi ro trong kinh doanh KT254 Khởi sự doanh nghiệp
76.	M1418004	Phạm Thị Hồng Diễm	X	04/04/1987	Hậu Giang	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh marketing	KT204 Quản trị nguồn nhân lực KT286 Quản trị rủi ro trong kinh doanh KT254 Khởi sự doanh nghiệp
77.	M1418005	Trần Thanh Thùy Dương	X	12/10/1995	Cần Thơ	Quản trị kinh doanh	Kinh tế học	KT204 Quản trị nguồn nhân lực KT286 Quản trị rủi ro trong kinh doanh KT254 Khởi sự doanh nghiệp
78.	M1418006	Phạm Thị Giang	X	03/03/1977	Cần Thơ	Quản trị kinh doanh	Kinh tế ngoại thương	KT204 Quản trị nguồn nhân lực KT286 Quản trị rủi ro trong kinh doanh KT254 Khởi sự doanh nghiệp

TT	MSHV	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành thạc sĩ	Ngành tốt nghiệp ĐH	Học phần cần phải bổ sung kiến thức
79.	M1418007	Nguyễn Thị Ngân Hà	X	08/02/1995	Cà Mau	Quản trị kinh doanh	Kinh tế nông nghiệp	KT204 Quản trị nguồn nhân lực KT286 Quản trị rủi ro trong kinh doanh KT254 Khởi sự doanh nghiệp
80.	M1418008	Nguyễn Hữu Hạ		10/11/1990	Kiên Giang	Quản trị kinh doanh	Kế toán	KT204 Quản trị nguồn nhân lực KT286 Quản trị rủi ro trong kinh doanh KT254 Khởi sự doanh nghiệp
81.	M1418011	Nguyễn Thị Thanh Liễu	X	20/05/1989	Sóc Trăng	Quản trị kinh doanh	Kế toán	KT204 Quản trị nguồn nhân lực KT286 Quản trị rủi ro trong kinh doanh KT254 Khởi sự doanh nghiệp
82.	M1418015	Thạch Ngọc Mai	X	16/09/1985	Sóc Trăng	Quản trị kinh doanh	Kế toán	KT204 Quản trị nguồn nhân lực KT286 Quản trị rủi ro trong kinh doanh KT254 Khởi sự doanh nghiệp
83.	M1418017	Đặng Hoàng Nam		15/11/1993	Vĩnh Long	Quản trị kinh doanh	Tài chính - ngân hàng	KT204 Quản trị nguồn nhân lực KT286 Quản trị rủi ro trong kinh doanh KT254 Khởi sự doanh nghiệp
84.	M1418024	Nguyễn Thanh Phong		28/06/1993	Vĩnh Long	Quản trị kinh doanh	Tài chính ngân hàng	KT204 Quản trị nguồn nhân lực KT286 Quản trị rủi ro trong kinh doanh KT254 Khởi sự doanh nghiệp
85.	M1418025	Trương Lê ái Quyên	X	04/10/1996	Quảng Ngãi	Quản trị kinh doanh	Kinh doanh thương mại	KT204 Quản trị nguồn nhân lực KT286 Quản trị rủi ro trong kinh doanh KT254 Khởi sự doanh nghiệp
86.	M1418028	Trương Châu Bảo Thoa	X	26/04/1993	Sóc Trăng	Quản trị kinh doanh	Tài chính ngân hàng	KT204 Quản trị nguồn nhân lực KT286 Quản trị rủi ro trong kinh doanh KT254 Khởi sự doanh nghiệp
87.	M1418029	Nguyễn Ngọc Khánh Thu	X	11/10/1992	Vĩnh Long	Quản trị kinh doanh	Kế toán - Kiểm toán	KT204 Quản trị nguồn nhân lực KT286 Quản trị rủi ro trong kinh doanh KT254 Khởi sự doanh nghiệp
88.	M1418031	Huỳnh Thị Kiều Tiên	X	01/10/1994	Cà Mau	Quản trị kinh doanh	Kinh tế học	KT204 Quản trị nguồn nhân lực KT286 Quản trị rủi ro trong kinh doanh KT254 Khởi sự doanh nghiệp
89.	M1418032	Phạm Quốc Trung Tín		10/09/1993	Cần Thơ	Quản trị kinh doanh	Kinh tế	KT204 Quản trị nguồn nhân lực KT286 Quản trị rủi ro trong kinh doanh KT254 Khởi sự doanh nghiệp

TT	MSHV	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành thạc sĩ	Ngành tốt nghiệp ĐH	Học phần cần phải bổ sung kiến thức
90.	M1418033	Dương Thị Ngọc Trâm	X	17/12/1993	Cần Thơ	Quản trị kinh doanh	Tài chính - ngân hàng	KT204 Quản trị nguồn nhân lực KT286 Quản trị rủi ro trong kinh doanh KT254 Khởi sự doanh nghiệp
91.	M1418038	Võ Nhật Thảo Vy	X	13/05/1993	Sóc Trăng	Quản trị kinh doanh	Tài chính ngân hàng	KT204 Quản trị nguồn nhân lực KT286 Quản trị rủi ro trong kinh doanh KT254 Khởi sự doanh nghiệp
92.	M1418035	Phạm Thị Huyền Trang	X	25/09/1994	Kiên Giang	Quản trị kinh doanh	Tài chính - Ngân hàng	KT204 Quản trị nguồn nhân lực KT286 Quản trị rủi ro trong kinh doanh KT254 Khởi sự doanh nghiệp
93.	M0418001	Châu Hồ Thái Chân	X	16/05/1986	An Giang	Sinh thái học	Sư phạm Sinh - KTN	SP414 Sinh lý động vật TN151 Sinh học phát triển
94.	M0418003	Nguyễn Thị Thúy Hằng	X	24/02/1989	Kiên Giang	Sinh thái học	Sư phạm Sinh học	TN151 Sinh học phát triển
95.	M0418005	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	X	07/10/1993	Vĩnh Long	Sinh thái học	Sư phạm Sinh học	TN151 Sinh học phát triển
96.	M0418007	Đặng Thanh Thảo	X	09/12/1988	Cần Thơ	Sinh thái học	Sư phạm sinh vật	TN151 Sinh học phát triển
97.	M0418008	Lư Thị Hoàng Yến	X	12/06/1981	Hậu Giang	Sinh thái học	SP sinh học	TN151 Sinh học phát triển
98.	M2718010	Nguyễn Đình Hội		04/06/1978	Phú Yên	Tài chính - Ngân hàng	Kinh doanh bảo hiểm	KT249 Kinh tế học ngân hàng KT308 Quản trị tài chính KT344 Nghiệp vụ ngân hàng
99.	M2718019	Lê Hà Trang Nhã	X	15/02/1994	Cà Mau	Tài chính - Ngân hàng	Kinh doanh quốc tế	KT249 Kinh tế học ngân hàng KT308 Quản trị tài chính KT344 Nghiệp vụ ngân hàng
100.	M2718021	Tạ Thị Bích Nhi	X	13/09/1990	Bạc Liêu	Tài chính - Ngân hàng	Kinh tế ngoại thương	KT249 Kinh tế học ngân hàng KT308 Quản trị tài chính KT344 Nghiệp vụ ngân hàng
101.	M2718023	Phan Hồng Nhung	X	18/04/1993	Kiên Giang	Tài chính - Ngân hàng	Kinh tế đối ngoại	KT249 Kinh tế học ngân hàng KT308 Quản trị tài chính KT344 Nghiệp vụ ngân hàng
102.	M2718024	Nguyễn Thị Thúy Oanh	X	20/11/1990	Cửu Long	Tài chính - Ngân hàng	Kế toán	KT249 Kinh tế học ngân hàng KT308 Quản trị tài chính KT344 Nghiệp vụ ngân hàng

TT	MSHV	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành thạc sĩ	Ngành tốt nghiệp ĐH	Học phần cần phải bổ sung kiến thức
103.	M2718033	Dương Hải Triều		05/05/1992	Cần Thơ	Tài chính - Ngân hàng	Kinh tế nông nghiệp	KT249 Kinh tế học ngân hàng KT308 Quản trị tài chính KT344 Nghiệp vụ ngân hàng
104.	M2718036	Lâm Ngọc Tuyền	X	20/03/1985	Sóc Trăng	Tài chính - Ngân hàng	Kế toán - Kiểm toán	KT249 Kinh tế học ngân hàng KT308 Quản trị tài chính KT344 Nghiệp vụ ngân hàng
105.	M2718035	Bùi Thị Tươi	X	10/01/1995	Kiên Giang	Tài chính - Ngân hàng	Kế toán	KT249 Kinh tế học ngân hàng KT308 Quản trị tài chính KT344 Nghiệp vụ ngân hàng
106.	M2318004	Trịnh Thị Hợp	X	08/07/1986	Thanh Hóa	Văn học Việt Nam	Sư phạm Ngữ văn	XH566 Lý luận văn học 2
107.	M0818001	Huỳnh Thị Hào	X	10/04/1985	Sóc Trăng	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	Sư phạm vật lý tin học	Cơ học lý thuyết Vật lý tính toán
108.	M0818002	Nguyễn Thị Phú Lương	X	09/01/1988	Cần Thơ	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	Sư phạm Vật lý	Cơ học lý thuyết Vật lý tính toán
109.	M0818003	Nguyễn Thị Kim Ngọc	X	11/02/1979	Hậu Giang	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	SP Vật lý tin học	Cơ học lý thuyết Vật lý tính toán
110.	M0818004	Phạm Chí Nguyễn		16/03/1992	Cà Mau	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	Sư phạm vật lý công nghệ	Cơ học lý thuyết Vật lý tính toán
111.	M0818005	Nguyễn Hứa Thanh Nhã		21/09/1995	Sóc Trăng	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	Sư phạm Vật lý	Cơ học lý thuyết Vật lý tính toán
112.	M0818006	Lâm Hoàng Thiện		10/01/1995	Sóc Trăng	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	Sư phạm Vật lý	Cơ học lý thuyết Vật lý tính toán
113.	M0818007	Đỗ Ngọc Anh Thuy	X	25/11/1986	Vĩnh Long	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	SP. Vật lý tin học	Cơ học lý thuyết Vật lý tính toán
114.	M0818008	Quách Văn Vệ		07/04/1984	Cà Mau	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	SP Vật lý tin học	Cơ học lý thuyết Vật lý tính toán

Danh sách có 114 học viên.

Cần Thơ ngày 10 tháng 5 năm 2018

K. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Thanh Hiền